

Số: 188/TB-CTHADS

Kon Tum, ngày 27 tháng 7 năm 2021.

## THÔNG BÁO

### Về lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản để thi hành án

Căn cứ Quyết định số 11/2020/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 9 năm 2020; Quyết định số 29/2020/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 5 năm 2020 Của Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 205/QĐ-CCTHADS ngày 19 tháng 01 năm 2021; Quyết định thi hành án số 125/QĐ-CCTHADS ngày 09 tháng 11 năm 2020; Quyết định thi hành án số 273/QĐ-CCTHADS ngày 01 tháng 2 năm 2021 của Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định về việc rút hồ sơ thi hành án số 11, 12, 13/QĐ-CTHADS ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum.

Căn cứ Quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số 19/QĐ-CTHADS ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum.

Căn cứ Quyết định số 1079/QĐ-TCTHADS ngày 25/12/2020 của Tổng cục thi hành án dân sự - Bộ Tư pháp về việc ban hành Quy trình lựa chọn tổ chức thẩm định giá, bán đấu giá tài sản để thi hành án,

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum thông báo để các tổ chức thẩm định giá tài sản có đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Tham gia đăng ký tổ chức thẩm định giá tài sản để ký hợp đồng dịch vụ thẩm định giá tài sản kê biên, xử lý thi hành án gồm các tài sản sau:

#### **I. Quyền sử dụng đất:**

1. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 315, tờ bản đồ số 05, tại đường Hùng Vương tổ dân phố 4B thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 214738 do Sở TN&MT tỉnh Kon Tum cấp ngày 16/01/2018 mang tên chủ sở hữu là ông Trần Ngọc An.

Nguồn gốc sử dụng đất: Nhận chuyển nhượng

Về tình trạng, đặc điểm tài sản khi kê biên như sau:

**1. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất:**

**1.1. Quyền sử dụng đất:**

Tổng diện tích thửa đất số 315, tờ bản đồ số 05, tại đường Hùng Vương tổ dân phố 4B thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 214738 do Sở TN&MT tỉnh Kon Tum cấp ngày 16/01/2018 mang tên chủ sở hữu là ông Trần Ngọc An là  $240 \text{ m}^2$  (Hai trăm bốn mươi mét vuông). Trong đó: Mục đích sử dụng:  $240 \text{ m}^2$  đất ở tại nông thôn thời hạn sử dụng lâu dài.

Theo kết quả đo đạc xác định diện tích thực tế cụ thể như sau:

- Phía Tây giáp đất ông Đặng Huy Hùng = 4,97m;
- Phía Đông giáp Quốc lộ 14 = 7m;
- Phía Nam giáp đất ông Vũ Thế Hưng = 43m;
- Phía Bắc giáp ông Phạm Văn Đăng = 49m.

Như vậy: Tổng diện tích đất theo kết quả đo đạc là  $240 \text{ m}^2$  (Hai trăm bốn mươi mét vuông), phù hợp với diện tích theo giấy chứng nhận CNQSD đất số CM 214738 do Sở TN&MT tỉnh Kon Tum cấp ngày 16/01/2018 mang tên chủ sở hữu là ông Trần Ngọc An nêu trên.

## **1.2. Tài sản gắn liền với đất:**

### **1.2.1. Nhà ở:**

Có một căn nhà 4 tầng: Kết cấu móng, tường xây gạch, khung trụ bê tông, sàn bê tông cốt thép; nền lát gạch; tường tô trát vữa xi măng có lăn sơn; trần lamghi gỗ; cửa gỗ, khung gỗ; cầu thang bê tông cốt thép, áp gỗ (diện tích  $2,15 \text{ m} \times 4,05 \text{ m} = 8,7 \text{ m}^2$ ); tầng 1: chân tường áp lamghi gỗ; cửa kính cường lực). Trong đó: diện tích xây dựng là:

- + Tầng 1:  $5,4 \text{ m} \times 15,2 \text{ m} = 82,08 \text{ m}^2$
- + Tầng 2:  $5,4 \text{ m} \times 16,6 \text{ m} = 89,64 \text{ m}^2$ ;
- + Tầng 3:  $5,4 \text{ m} \times 16,6 \text{ m} = 89,64 \text{ m}^2$ ;
- + Tầng 4:  $5,4 \text{ m} \times 16,6 \text{ m} = 89,64 \text{ m}^2$ ;

**Số liệu đo chi tiết của các phòng trong nhà như sau:**

#### **Tầng 1:**

- Phòng khách:  $7,3 \text{ m} \times 5,4 \text{ m} = 39,42 \text{ m}^2$
- Phòng bếp:  $5,2 \text{ m} \times 5,4 \text{ m} = 28,08 \text{ m}^2$
- Đường lòng:  $15,2 \text{ m} \times 1,2 \text{ m} = 18,24 \text{ m}^2$
- Mái hiên (khung sắt, mái lợp tôn, nền lát gạch):  $6,5 \text{ m} \times 3 \text{ m} = 19,5 \text{ m}^2$ .
- Nhà vệ sinh (chân tường, nền áp gạch men, tô trát vữa xi măng, có lăn sơn):  $(3 \text{ m} \times 2,7 \text{ m}) / 2 = 4,05 \text{ m}^2$ .

#### **Tầng 2:**

- Phòng khách:  $8,9 \text{ m} \times 5,47 \text{ m} = 48,68 \text{ m}^2$
- Phòng ngủ:  $3,64 \text{ m} \times 4,05 \text{ m} = 14,74 \text{ m}^2$

- Đường luồng (sảnh):  $(16,4m+5,4m) \times 1,2m = 26,16m^2$
- Nhà vệ sinh (chân tường, nền áp gạch men, tô trát vữa xi măng, có lăn sơn):  $1,85m \times 2,65m = 4,9m^2$ .

### **Tầng 3:**

- Phòng thờ:  $5,2m \times 5,4m = 28,08 m^2$ .
- Phòng ngủ 1:  $3,9m \times 4,05m = 15,79 m^2$
- Phòng ngủ 2:  $3,64m \times 4,05m = 14,74m^2$
- Đường luồng (sảnh):  $(3,9m+3,25m+5,4m) \times 1,2m = 15,06 m^2$
- Nhà vệ sinh (chân tường, nền áp gạch men, tô trát vữa xi măng, có lăn sơn):  $1,85m \times 2,65m = 4,9m^2$ .

**Tầng 4:** Sàn bê tông cốt thép, phía trên mái lợp ngói, khung, xà gồ gỗ.

### **Hệ thống các cửa:**

\* Cửa chính tầng 1: Cao 3,35m x rộng 3,50 m (4 cánh), lớp trong là kính cường lực: Cao 2,67m, rộng 3,36m. Cửa sổ rộng 1,40m x 2,06m x 2 cửa.

\* Cửa chính tầng 2: Cao 2,86 m x rộng 1,57 m (2 cánh). Cửa sổ rộng 1,40m x 2,06m x 3 cửa. Cửa sổ phía trước cao 2,76m x 2,1m. Cửa phòng ngủ và cửa ra ban công, cao 0,86 m x 2,86 m x 5 cửa.

\* Cửa chính tầng 3: Cao 2,86 m x rộng 1,57 m (2 cánh). Cửa sổ rộng 1,40m x 2,06m x 5 cửa. Cửa phòng ngủ và cửa ra ban công, cao 0,86 m x 2,86 m x 5 cửa.

**1.2.2. Nhà phía sau:** Có kết cấu: Móng, tường xây gạch, tô trát vữa xi măng, không lăn sơn, nền xi măng, mái lợp tôn, xà gồ gỗ; chiều cao (điểm cao nhất là 3,6m).

Diện tích:  $(10,3m + 10,3m)/2 + (4,7m+3,8m)/2 = 43,77m^2$  và Diện tích:  $(11m + 11m)/2 + (4,7m+3,8m)/2 = 46,75 m^2$ .

**1.2.3. Hàng rào tường xây gạch không tô.** Chiều dài: 8,4m, chiều cao bình quân 1,9m.

## **II. Tài sản gắn liền với đất thuê trả tiền hàng năm:**

### **1. Nhà làm việc, Công trình nhà xưởng:**

1.1. Nhà xưởng số 01: Kết cấu: khung, trụ sắt, mái lợp tôn, nền bê tông xi măng. Diện tích:  $21m \times 40m = 840 m^2$ .

1.2. Nhà xưởng số 02: Kết cấu: khung, trụ sắt, mái lợp tôn, nền bê tông xi măng. Diện tích:  $35m \times 12m = 420 m^2$ .

1.3. Nhà xưởng số 03: Kết cấu: khung, trụ sắt và gỗ, mái lợp tôn, nền bê tông xi măng. Diện tích:  $29,35m \times 20,6m = 604,61 m^2$ .

1.4. Nhà làm việc: Kết cấu: móng, tường xây gạch, tô trát vữa xi măng, có lăn sơn, trần laphong gỗ, nền lát gạch men, chân tường áp lamghi gỗ, mái lợp tôn, cửa gỗ kính. Diện tích:  $23m \times 5,3m = 121,9 m^2$ .

1.5. Mái vòm: Kết cấu: khung, trụ sắt, mái lợp tôn, nền bê tông xi măng. Diện tích:  $2\text{m} \times 18,8\text{m} = 37,6 \text{ m}^2$  và diện tích  $9,8\text{m} \times 9,2 \text{ m} = 90,16 \text{ m}^2$ .

1.6. Nhà vệ sinh và nhà tắm 01: Móng, tường xây gạch, tô trát vữa xi măng, có lăn sơn, trần bê tông cốt thép, nền lát gạch men, cửa khung sắt tôn. Diện tích:  $3,7 \text{ m} \times 2,6\text{m} = 9,62 \text{ m}^2$ .

1.7. Nhà vệ sinh và nhà tắm 02: Móng, tường xây gạch, tô trát vữa xi măng, có lăn sơn, mái lợp tôn, nền lát gạch men, cửa khung sắt tôn. Diện tích:  $2,6\text{m} \times 2,65\text{m} = 6,89 \text{ m}^2$ .

1.8. Nhà bếp: Móng, tường xây gạch, tô trát vữa xi măng, có lăn sơn, mái lợp tôn, nền xi măng, cửa khung sắt tôn. Diện tích:  $7\text{m} \times 4,3\text{m} = 30,1 \text{ m}^2$ .

1.9. Tường rào bao xung quanh khu sản xuất: Tường xây gạch, có tô trát vữa xi măng có chiều cao bình quân là 2m, có chiều dài là 204,27m ( $42 + 39 + 12,27 + 75,5 + 35,5$ ).

1.10. Sân bê tông: Diện tích  $(17\text{m} \times 40\text{m}) - (2,9\text{m} \times 3,7\text{m}) = 680 \text{ m}^2 - 10,73 \text{ m}^2 = 669,27 \text{ m}^2$ .

1.11. Mái vòm: Kết cấu khung sắt, trụ sắt, mái lợp tôn. Diện tích:  $4,65 \times 14,8 = 68,82 \text{ m}^2$ .

1.12. Nhà bảo vệ: Kết cấu: móng tường xây gạch, tô trát vữa xi măng, nền xi măng, mái lợp tôn, cửa gỗ. diện tích:  $2,9\text{m} \times 3,7\text{m} = 10,73 \text{ m}^2$ .

1.13. Cửa cổng. Kết cấu: khung sắt, vách tôn. Diện tích:  $6,6\text{m} \times 2,5 \text{ m} = 16,5 \text{ m}^2$ .

Toàn bộ công trình nhà xưởng được xây dựng trên thửa đất số 382, tờ bản đồ số 49, diện tích: 2004,0 m<sup>2</sup>, địa chỉ: Cụm CN-TTCN làng nghề tổ dân phố 3, thị trấn Đắk Hà, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. Theo giấy chứng nhận CNQSD đất số CM 806904 do Sở TN&MT tỉnh Kon Tum cấp ngày 29/01/2018 mang tên ông Trần Ngọc An.

Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

Thời hạn sử dụng đến ngày 15/6/2035.

Về tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Tây giáp đường đi sản xuất.
- Phía Đông giáp đất ông Dương Văn Nghi.
- Phía Nam giáp đường đi sản xuất.
- Phía Bắc giáp đường đi sản xuất.

\* Thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia thẩm định giá kể từ ngày thông báo đến hết ngày 29/7/2021.

\* Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức thẩm định giá: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum, địa chỉ: số 42 đường Trương Hán Siêu, tổ 4 phường Duy Tân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Vậy, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum thông báo cho các tổ chức thẩm định giá có đủ tiêu chuẩn theo quy định liên hệ với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum để hợp đồng dịch vụ thẩm định giá các tài sản nêu trên./.

*Nơi nhận:*

- Trang TTĐT Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- Cổng thông tin điện tử của Tổng cục THADS;
- Lưu: VT, HSTHA.



*Thái Văn Thiện*

